TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **31**/2018/DS-ST
Ngày: 21 - 6 - 2018
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt.

2. Ông Ngô Văn Lầu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18 và 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2018 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2018, Thông báo về việc dời ngày xét xử sơ thẩm vụ án dân sự số: 407/2018/TB-TA ngày 15 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 43/2018/QĐST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm số: 39/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Q. Địa chỉ: Canada. Tạm trú: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Q: Bà T. Địa chỉ: Ấp C1, xã B1, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2018). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông H. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2.2. Bà L. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà P. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông H. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng (theo Giấy ủy quyền ngày 11/4/2018). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Q (do bà T là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Ông H và bà L đã gian dối và chiếm đoạt tài sản của ông qua việc cho con gái của ông H, bà L là bà P kết hôn với ông rồi bỏ trốn với xe máy, vàng và điện thoại. Sự việc bắt đầu từ ngày 20/11/2016, ông có nhờ ông X là người giúp việc làm vườn cho ông vào nhà ông H để mai mối bà P kết hôn với ông, vợ chồng ông H, bà L đồng ý cho bà P kết hôn với điều kiện là ông phải mua sắm xe máy, vàng và điện thoại cho bà P trước khi đám cưới diễn ra. Ông đồng ý với điều kiện trên nên đám hỏi đã diễn ra vào ngày 23/11/2016 và đám cưới đã diễn ra vào ngày 09/12/2016, đến ngày 12/12/2016 bà P mang theo xe máy, vàng và điện thoại bỏ trốn. Ngày 13/12/2016, ông có mời vợ chồng ông H, bà L đến nhà để thảo luận và giải quyết thì vợ chồng ông H, bà L đã nhận sai và trả lại cho ông 11,6 chỉ vàng 24kara trị giá 38.037.000 đồng và có hứa sẽ tìm bà P đem xe máy, điện thoại và số vàng còn lại đã mang theo khi bỏ trốn trị giá 17.574.000 đồng để trả lại cho ông vào ngày 13/01/2017. Ngày 31/12/2016, ông có nhắc lại số tiền, vàng và xe máy mà vợ chồng ông H, bà L hứa đem trả cho ông sao không thấy khi mà thời hạn ngày 13/01/2017 đã cận kề. Đến ngày 12/01/2017, ông có điện thoại hỏi vợ chồng ông H, bà L có trả lại tiền, vàng, xe máy và điện thoại như đã hứa hay không thì bà L cho rằng đã đem tiền cho người thân mượn và tiêu xài hết rồi nên không còn tiền trả lại, còn xe máy, vàng và điện thoại thì chưa tìm được bà P nên chưa lấy lại để trả cho ông được. Ngày 13/01/2017, ông có thỏa thuận với ông H là ông đồng ý cho vợ chồng ông H, bà L sẽ trả lại xe, vàng, tiền và điện thoại trong thời hạn 1 năm nhưng phải trả lãi trước cho ông số tiền tượng trưng, ông H hứa sẽ về thảo luận với bà L và sẽ trả lời cho ông vào 02 ngày sau. Đến ngày 16/01/2017, ông H có đến nhà ông nói là tiền bà L đã cho mượn và tiêu xài hết nên không còn để trả, còn xe, vàng và điện thoại thì khi nào tìm được bà P thì ông H mới đem trả cho ông.

Do đó, ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà L hoàn trả lại số tiền 72.574.000 đồng gồm: Phân nửa số tiền nạp tài đám cưới, đám hỏi là 20.000.000 đồng; 01 chiếc xe gắn máy Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN do bà P đứng tên, trị giá 35.000.000 đồng; Số vàng mà bà P mang theo lúc bỏ trốn, trị giá là 17.574.000 đồng.

Theo đơn yêu cầu v/v thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 27/03/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện hợp pháp của ông Q thay đổi một phần đơn khởi kiện nêu trên, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông H và bà L trả phân nửa số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới mà ông H, bà L đã nhận là 40.000.000 đồng, tương ứng với số tiền là 20.000.000 đồng; Yêu cầu trả tiền gốc, không yêu cầu tính tiền lãi.

- Buộc ông H, bà L và bà P cùng có nghĩa vụ trả số vàng gồm 01 nhẫn bính vàng 24kara 03 chỉ (97%), 01 dây chuyền vàng 17kara 1,225 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 15kara 2,1 phân. Đối với 02 chiếc nhẫn cưới vàng 18kara 7,1 phân của ông Q và 6,05 phân của bà P thì ông Q xin rút lại.

- Buộc bà P có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền mà ông Q đã đưa cho bà P mua chiếc xe gắn máy Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN (29.990.000 đồng) và số tiền đóng các khoản lệ phí đăng ký xe (599.800 đồng), tổng cộng là 30.589.800 đồng (*không yêu cầu bà P phải trả hiện vật là chiếc xe)*; Yêu cầu trả tiền gốc, không yêu cầu tính tiền lãi.

** Bị đơn ông H đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P trình bày:* Bà L là vợ ông, còn bà P là con ông. Trước đây ông X là người làm vườn của ông Q có mai mối cho bà P kết hôn với ông Q, vợ chồng ông cũng đồng ý gả bà P cho ông Q. Từ đó mà hai bên mới thỏa thuận với nhau về việc làm đám hỏi, đám cưới và vấn đề nạp tài.

Về số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới: Ông Q có nạp tài đám hỏi cho vợ chồng ông nhận 10.000.000 đồng. Đến ngày 23/11/2016, hai bên tổ chức đám hỏi tại nhà của ông với hình thức đơn giản, gia đình làm vài mâm cúng tổ tiên ông bà, chứ không có mời khách. Sau đó, ông Q tiếp tục nạp tài đám cưới cho vợ chồng ông nhận 30.000.000 đồng. Đến ngày 09/12/2016, hai bên tổ chức đám cưới tại nhà hàng Khánh Hưng 2 đường Lê Hồng Phong, thành phố Sóc Trăng, đãi khách khoảng mười mấy mâm bàn. Vấn đề đặt tiệc, thanh toán chi phí đám cưới với nhà hàng do ông Q lo liệu toàn bộ. Toàn bộ số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới là 40.000.000 đồng thì vợ chồng ông chưa có trả cho ông Q. Nay ông Q yêu cầu vợ chồng ông trả phân nửa số tiền này tương ứng là 20.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì thực tế vợ chồng ông đã có gả con gái là bà P cho ông Q (có làm đám hỏi và đám cưới xong).

Về vàng cưới: Vào ngày cưới gia đình ông có nhận vàng của ông Q và sau đó đã trả lại cho ông Q số vàng là 11,6 chỉ vàng 24kara. Đối với số vàng còn lại gồm 01 nhẫn bính vàng 24kara 03 chỉ, 01 dây chuyền vàng 17kara 1,225 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 15kara 2,1 phân và 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18kara 6,05 phân của bà P thì gia đình ông chưa trả, còn đối với 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18kara 7,1 phân của ông Q thì do ông Q giữ. Nay ông không đồng ý trả vàng cho ông Q theo yêu cầu của ông Q.

Về chiếc xe gắn máy Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN: Trước khi làm đám cưới thì giữa bà P và ông Q có tìm hiểu nhau trước, lúc đó thì ông Q mới cho tiền bà P mua chiếc xe này để cho bà P đứng tên, nên đây là tài sản của bà P. Chiếc xe này hiện nay do bà P đang quản lý, sử dụng. Nay ông không đồng ý trả cho ông Q số tiền mà ông Q đã bỏ ra mua xe cho bà P theo yêu cầu của ông Q.

** Bị đơn bà L trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông H như đã nêu trên.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phân tích yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính có căn cứ và hợp pháp của yêu

cầu khởi kiện, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** <u>Về tố tụng</u>:**

[1]. *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới, số vàng cưới đã cho trong ngày cưới, số tiền bỏ ra mua xe và đăng ký xe. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử với quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" là đúng theo khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Trong vụ án này, nguyên đơn ông Q có địa chỉ cư trú tại Canada. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[3]. *Về pháp luật áp dụng:* Các giao dịch dân sự giữa các bên về số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới, số vàng cưới đã cho trong ngày cưới, số tiền bỏ ra mua xe và đăng ký xe được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017 (*ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực*), sau đó các bên mới phát sinh tranh chấp. Do đó, căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án này là Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật Dân sự năm 2005;

[4]. *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự gồm ông H, bà L và bà P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

*** <u>Về nội dung</u>:**

[5]. Ông Q cho rằng trước đây vào ngày 20/11/2016, qua sự mai mối của người quen thì vợ chồng ông H, bà L đồng ý cho bà P (*là con ông H, bà L*) làm đám cưới với ông, từ đó mà hai bên thỏa thuận với nhau về việc làm đám hỏi, đám cưới và vấn đề nạp tài. Sau đó, đám hỏi giữa ông và bà P đã diễn ra vào ngày 23/11/2016 và đám cưới đã diễn ra vào ngày 09/12/2016. Trong quá trình tổ chức đám hỏi và đám cưới, ông đã giao cho vợ chồng ông H, bà L nhận số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới tổng cộng là 40.000.000 đồng và giao cho vợ chồng ông H, bà L và bà P một số vàng cưới (*bao gồm số vàng mà sau đó vợ chồng ông H, bà L và bà P đã trả lại cho ông là 11,6 chỉ vàng 24kara và số vàng còn lại theo yêu cầu khởi kiện của ông là 01 nhẫn bính vàng 24kara 03 chỉ, 01 dây chuyền vàng 17kara 1,225 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 15kara 2,1 phân*). Ngoài ra, trước khi ông và bà P làm đám cưới với nhau thì ông có bỏ tiền ra mua cho bà P chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN với giá là 29.990.000 đồng và đóng các khoản lệ phí đăng ký xe là 599.800 đồng, tổng cộng là 30.589.800 đồng. Sau đó, bà P không

đồng ý chung sống với ông nữa nên ông yêu cầu vợ chồng ông H, bà L và bà P hoàn trả lại cho ông phân nửa số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới và toàn bộ số vàng cưới cùng chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN (*theo đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện thì đối với chiếc xe máy này ông chỉ yêu cầu hoàn trả số tiền ông đã bỏ ra mua và đăng ký xe*) nhưng vợ chồng ông H, bà L và bà P không đồng ý, từ đó mà hai bên phát sinh tranh chấp. Xét yêu cầu của ông Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H, bà L và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn ông Q đều thừa nhận giữa ông Q và bà P (*là con của ông H, bà L*) do mai mối nên ông Q và bà P đã tổ chức đám hỏi, đám cưới theo phong tục tập quán mặc dù hai bên chưa tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Từ sự thừa nhận này của các bên về đám hỏi, đám cưới theo phong tục tập quán giữa ông Q và bà P, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận giữa ông Q và bà P đã tổ chức đám hỏi, đám cưới theo phong tục tập quán của người Việt Nam vào các ngày 23/11/2016 và 09/12/2016 là sự thật.

[7]. Theo phong tục tập quán tổ chức đám hỏi, đám cưới tại tỉnh Sóc Trăng thì trước khi tổ chức các đám này nhà trai phải đưa cho nhà gái một số tiền nhất định để gia đình nhà gái tổ chức làm mâm cơm đãi họ hàng và khi đó có mời nhà trai tham dự để báo hỉ. Tuy đây không phải là thủ tục bắt buộc mà do hai bên gia đình nhà trai và nhà gái thỏa thuận hoặc do nhà trai tự nguyện nộp số tiền này cho nhà gái, số tiền này gọi là số tiền "nạp tài" để nhà gái tổ chức đám hỏi, đám cưới cho cô dâu. Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa người đại diện của ông Q thừa nhận số tiền 40.000.000 đồng này là số tiền "nạp tài" để cho gia đình bà P tổ chức đám hỏi, đám cưới cho ông Q và bà P, trên thực tế gia đình bà P đã tổ chức đám hỏi, đám cưới theo đúng phong tục tập quán tại địa phương và gia đình bà P đã lấy số tiền này để chi trong các đám này. Do đó, việc ông Q yêu cầu vợ chồng ông H, bà L cùng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Q phân nửa số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới là không có cơ sở để chấp nhận.

[8]. Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN, qua các tài liệu, chứng cứ do ông Q cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cung cấp thể hiện chiếc xe này được mua vào ngày 21/11/2016, toàn bộ giấy tờ mua xe, đăng ký xe đều do bà P đứng tên, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông Q là người mua chiếc xe này bằng nguồn tiền của ông Q đưa cho bà P như ông Q đã trình bày; hơn nữa, chiếc xe này được mua trước ngày ông Q và bà P tổ chức lễ cưới nên đây là tài sản riêng của bà P. Do đó, việc ông Q yêu cầu bà P có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Q số tiền đã bỏ ra mua và đăng ký xe là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

[9]. Đối với số vàng mà ông Q yêu cầu gồm 01 nhẫn bính vàng 24kara 03 chỉ (97%), 01 dây chuyền vàng 17kara 1,225 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 15kara 2,1 phân, nhận thấy: Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý của ông H, bà L trình bày rằng số vàng này trong ngày cưới ông Q có cho bà P và hiện nay số vàng

này bà P là người cất giữ. Tại phiên tòa người đại diện của ông Q thừa nhận số vàng này cho bà P là cho trong ngày cưới và đây cũng là theo phong tục tập quán tại địa phương. Xét thấy: Số vàng này không phải là tài sản của người khác tặng cho ông Q và bà P trong ngày cưới, hỏi nên đây không phải là tài sản chung giữa ông Q và bà P, mà đây là tài sản riêng của ông Q tặng cho bà P trước sự chứng kiến của rất nhiều người trong ngày cưới nên cần xác định đây là tài sản riêng của bà P được ông Q tặng cho. Ông Q cho rằng khi tặng cho số vàng này có điều kiện là bà P phải làm vợ của ông Q nhưng ông Q không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh rằng giữa ông Q và bà P có thỏa thuận về điều kiện này mà đây chỉ là ý kiến trình bày của phía ông Q. Do đó, việc ông Q yêu cầu vợ chồng ông H, bà L và bà P cùng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Q số vàng cưới là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Q đối với số vàng 01 nhẫn bính vàng 24kara 03 chỉ (97%), 01 dây chuyền vàng 17kara 1,225 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 15kara 2,1 phân (*tại thời điểm xét xử sơ thẩm, vàng 24 kara (97%) giá 3.575.000 đồng/chỉ; vàng 17kara giá 2.720.000 đồng/chỉ; vàng 15kara giá 2.500.000 đồng/chỉ*), số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới, số tiền đã bỏ ra mua và đăng ký đối với chiếc xe máy hiệu Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể:

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, khoản 1 Điều 273 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Q về yêu cầu buộc ông H, bà L và bà P trả số vàng cưới là 01 nhẫn bính vàng 24kara 03 chỉ (97%), 01 dây chuyền vàng 17kara 1,225 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 15kara 2,1 phân.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc buộc ông H và bà L trả số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới là 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc buộc bà P trả số tiền đã bỏ ra mua và đăng ký đối với chiếc xe máy hiệu Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN là 30.589.800 đồng (*ba mươi triệu năm trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.258.590 đồng đối với các yêu cầu không được chấp nhận về số vàng cưới là 01 nhẫn bính vàng 24kara 03 chỉ (97%), 01 dây chuyền vàng 17kara 1,225 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 15kara 2,1 phân *(14.582.000 đồng),* số tiền nạp tài đám hỏi, đám cưới (*20.000.000 đồng*), số tiền đã bỏ ra mua và đăng ký đối với chiếc xe máy hiệu Yamaha Janus biển số 83P2-NNN.NN (*30.589.800 đồng*). Ông Q được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.814.000 đồng theo Biên lai số 0001561, ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Q còn phải nộp thêm số tiền 1.444.590 đồng (*một triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi đồng*).

- Ông H, bà L và bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.*

Nguyễn Khánh Hùng